

Số: 215/QĐ - THVP

Hà đông, ngày 01 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai kết quả thực hiện dự toán thu chi quý II
năm 2026 của trường Tiểu học Vạn Phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN PHÚC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT -BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT - BGDDT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục đào tạo qui định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSNN hiện hành, nhiệm vụ công tác và qui chế chi tiêu nội bộ năm 2026;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường Tiểu học Vạn Phúc;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kết quả thực hiện dự toán thu chi quý II năm 2026 của Trường Tiểu học Vạn Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thanh Vân

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
06 THÁNG

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Tiểu học Vạn Phúc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số					
TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.682,798	7.691,6898	65,84	226,6488
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	11.682,798	7.691,6898	65,84	226,6488
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.180,098	3.744,5868	45,78	161,9988

3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.366,700	3.947,1030	90,39	364,7401
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 1. tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Vân

CÔNG KHAI THU CHI NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC NGUỒN THU KHÁC QUÝ II NĂM 2026

Chương 822 Loại 070 Khoản 071- TT09/BGD

(Kèm theo Quyết định số 215/QĐ-THVP ngày 01/7/2026 của trường Tiểu học Vạn Phúc)

T T	Nội dung	Mục/ tiểu mục	Tổng số	Chia ra các nguồn													
				Nguồn chi thường xuyên	Nguồn chi không thường xuyên	Chăm sóc bán trú	Trang thiết bị phục vụ bán trú	Trông giữ ngoài giờ	Tiếng anh	KNS	Tiếng anh- toán	Stem	Erobic	Ăn	Tin nhắn DT	BH y tế HS	Nước uống
A	B		1=2.14	2	4	5	6		13		13						14
I	Số ngân sách được giao đầu năm/ Số kinh phí thu trong quý II năm 2026		12.657.775.500	6.354.440.977	2.682.196.766	565.880.000	39.634.000	295.453.200	476.804.250	141.103.800	289.979.800	419.179.680	142.129.500	1.050.315.342	50.640.000	40.467.825	109.550.360
II	Số kinh phí còn tồn cuối quý II năm 2026		4.950.152.709	4.435.511.226	419.596.999	-	-	-	903.775	3.474.000	6.571.500	4.431.360	2.585.800	342	50.640.000	15.711.347	10.726.360
III	Số kinh phí chi trong quý II năm 2026		7.707.622.791	1.918.929.751	2.262.599.767	565.880.000	39.634.000	295.453.200	475.900.475	137.629.800	283.408.300	414.748.320	139.543.700	1.050.315.000	-	24.756.478	98.824.000
1	Tiền lương	6000	1.307.030.400	832.289.866	474.740.534,00												-
	Lương theo ngạch, bậc	6001	1.307.030.400	832.289.866	474.740.534,00												
2	Vị trí lao động thường xuyên	6050	25.272.000	25.272.000													
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6051	25.272.000	25.272.000													
3	Phụ cấp lương	6100	756.227.667	483.050.271	273.177.396,00												
	Phụ cấp chức vụ	6101	22.113.000	14.081.084	8.031.916,00												
	Phụ cấp làm đêm ; làm thêm giờ	6105	4.129.036	4.129.036													
	Phụ cấp ưu đãi nghề	6112		281.250.279	160.425.960,00												
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6113	4.212.000	2.682.114	1.529.886,00												
	Phụ cấp thâm niên vượt	6115	284.097.392	180.907.758	103.189.634,00												
4	Các khoản đóng góp	6300	352.280.264	226.298.427	125.981.837,00												
	Bảo hiểm xã hội	6301	286.739.749	184.196.396	102.543.353,00												
	Bảo hiểm y tế	6302	49.155.386	31.576.527	17.578.859,00												
	Bảo hiểm thất nghiệp	6304	16.385.129	10.525.504	5.859.625,00												
5	Thanh toán dịch vụ công	6500	100.917.113	68.980.488				21.214.800	10.721.825								
	Tiền điện	6501	93.082.145	61.145.520				21.214.800	10.721.825								
	Tiền nước	6502	-	0													
	Tiền vệ sinh, môi trường	6504	7.834.968	7.834.968													
6	Vật tư văn phòng	6550	4.500.032	4.500.032													



T T	Nội dung	Mục/ tiêu mục	Tổng số	Chia ra các nguồn													
				Nguồn chi thường xuyên	Nguồn chi không thường xuyên	Chăm sóc bán trú	Trang thiết bị phục vụ bán trú	Trông giữ ngoài giờ	Tiếng anh	KNS	Tiếng anh- toán	Stem	Erobic	Ăn	Tin nhắn DT	BH y tế HS	Nước uống
	Văn phòng phẩm	6551	2.700.032	2.700.032													
	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	6552	1.800.000	1.800.000													
7	Thông tin, tuyên truyền	6600	7.651.250	7.651.250													
	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	6605	6.540.000	6.540.000													
	Phim ảnh; ấn phẩm truyền	6608	1.111.250	1.111.250													
8	Chi phí thuê mướn	6750	102.450.000	91.450.000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11000000
	Thuê thiết bị các loại	6754	20.250.000	20.250.000													
	Thuê lao động trong nước	6757	82.200.000	71.200.000													11.000.000
9	Sửa chữa, duy tu tài sản	6900	113.980.167	113.980.167													
	Đường điện, cấp thoát nước	6921	111.388.167	111.388.167													
	Các tài sản và công trình	6949	2.592.000	2.592.000													
10	Mua sắm tài sản phục vụ	6950	-	0													
	Tài sản và thiết bị văn phòng	6955	-	0													
11	Chi phí nghiệp vụ chuyên	7000	98.011.255	53.403.802			38.841.320	-	-	-	-	-	-	-	-	5.766.133	-
	Chi mua hàng hóa, vật tư	7001	71.957.322	33.116.002			38.841.320										
	Chi khác	7049	26.053.933	20.287.800													5.766.133
12	Chi khác	7750	1.334.596.503	12.053.448					414.459.150	68.119.800	252.315.700	367.452.960	113.381.100			18.990.345	87.824.000
	Chi các khoản khác	7799	1.334.596.503	12.053.448					414.459.150	68.119.800	#####	#####	#####			18.990.345	87.824.000
13	Chi cho các sự kiện lớn	7900	-	0													-
	Chi kỷ niệm các ngày lễ	7903	-	0													
14	Học bổng và hỗ trợ khác	6150	1.385.300.000		1.385.300.000		-	-	-								-
	Các khoản hỗ trợ khác	6199	1.385.300.000		1.385.300.000												
15	Tiền thưởng	6200	3.400.000		3.400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Thưởng đột xuất	6202	3.400.000		3.400.000												
16	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6400				554.562.400	-	268.584.000	44.089.500	66.729.600	27.054.600	41.420.160	24.111.000	1.050.315.000	-	-	-
	Tiền ăn	6401				-								1.050.315.000			
	Chi khác	6449				554.562.400		268.584.000	44.089.500	66.729.600	27.054.600	41.420.160	24.111.000				
17	Chi Thiết bị	9350				11.317.600	792.680	5.654.400	6.630.000	2.780.400	4.038.000	5.875.200	2.051.600	-	-	-	-

T	Nội dung	Mục/ tiêu mục	Tổng số	Chia ra các nguồn													
				Nguồn chi thường xuyên	Nguồn chi không thường xuyên	Chăm sóc bán trú	Trang thiết bị phục vụ bán trú	Trông giữ ngoài giờ	Tiếng anh	KNS	Tiếng anh- toán	Stem	Erobic	Ăn	Tin nhắn DT	BHY tế HS	Nước uống
	Thuế và các loại lệ phí liên quan	9355				11.317.600	792.680	5.654.400	6.630.000	2.780.400	4.038.000	5.875.200	2.051.600				
18	Phúc lợi tập thể	6250															
	Bảo hiểm y tế trong cơ quan đơn vị	6254															

Kế toán

Nguyễn Thị Bình Vương



Ngày tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
VẠN PHÚC

Nguyễn Thanh Vân

